

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN IA GRAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST  
Ngày: 06-5-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nhơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Thành Long, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần N; địa chỉ trụ sở chính: số M, đường K, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Công Ng – Phó Trưởng phòng khách hàng của Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương B; địa chỉ: số 737, đường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy ủy quyền ngày 07-10-2019).

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Văn Th và bà Phạm Thị M; cùng địa chỉ: làng B1, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Vũ Văn Q và bà Nguyễn Thị H; cùng địa chỉ: làng B1, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Ông Ng có mặt. Ông Th, bà M, ông Q và bà H vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N (Ngân hàng):

Tại Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1380/18/CT/BGL ngày 27-9-2018, Ngân hàng cho ông Vũ Văn Th và bà Phạm Thị M vay 1.150.000.000 đồng. Thời gian vay vốn: 11 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải nhân vốn vay theo giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn: 9,3%/năm, được xác định, cố định và ghi trên từng giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất thông báo của Ngân hàng. Lãi suất quá hạn: 130% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi suất chậm trả: 0%. Mục đích vay vốn: làm kinh tế gia đình (mua bán hàng nông sản).

Ngày 04-10-2018, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.150.000.000 đồng cho ông Th, bà M. Thời hạn trả nợ là ngày 04-9-2019.

Tại các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/27/09/NHNT, số 02/27/09/NHNT và số 03/27/09/NHNT cùng ngày 27-9-2018, ông Th, bà M đã thế chấp cho Ngân hàng các tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bên thứ ba là ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 270 và 102a, tờ bản đồ số 128, tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 136242 ngày 22-01-2015 cho ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 128, tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 710574 ngày 20-3-2012 cho ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 3, tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 517708 ngày 05-5-2010 cho ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Th, bà M chỉ thanh toán tiền lãi trong hạn đến ngày 25-02-2019 và không trả tiền gốc khi đến hạn. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển 1.150.000.000 đồng tiền gốc thành nợ quá hạn vào ngày 05-9-2019.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Buộc ông Vũ Văn Th, bà Phạm Thị M trả cho Ngân hàng 1.299.246.783 đồng, gồm: tiền gốc 1.149.957.719 đồng, tiền lãi trong hạn 55.965.616 đồng, tiền lãi quá hạn 93.323.448 đồng (tính đến ngày 06-5-2020).

- Buộc ông Vũ Văn Th, bà Phạm Thị M tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng theo lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng.

- Nếu ông Vũ Văn Th, bà Phạm Thị M không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Ông Vũ Văn Th, bà Phạm Thị M và ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ để giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và không có tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án.

3. Kết quả xác minh của Tòa án: Ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H cư trú tại làng B1, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai nhưng vắng mặt ở nơi cư trú. Chính quyền địa phương không biết nơi cư trú mới và thời điểm ông Q, bà H trở về. Tại địa phương có con ruột và con dâu của ông Q, bà H là ông Th, bà M cư trú.

4. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án: Hiện trạng các tài sản mà ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng đúng với các thông tin đã ghi trong hợp đồng thế chấp và không có tranh chấp.

5. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông Vũ Văn Th, bà Phạm Thị M phải trả cho Ngân hàng tiền gốc 1.149.957.719 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Nếu ông Th, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông Th, bà M phải chịu án phí và chi phí tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo kết quả xác minh của Tòa án thì ông Vũ Văn Th, bà Phạm Thị M và ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H đều cư trú tại làng B1, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai (trước đây là thôn H4, xã Y), đúng với địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và địa chỉ mà Ngân hàng đã cung cấp trong đơn khởi kiện. Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì ông Q, bà H vắng mặt ở nơi cư trú, chỉ có ông Th và bà M còn cư trú tại địa chỉ này. Chính quyền địa phương không biết địa chỉ nơi cư trú mới của ông Q, bà H. Ông Q, bà H thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho Ngân hàng và cơ quan có thẩm quyền nên thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ theo quy định tại Điều 40 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 39, 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Vũ Văn Th, bà Phạm Thị M, ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Vũ Văn Th, bà Phạm Thị M, ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo họp lệ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản đối. Căn cứ các Điều 91 và 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp là có thật và hợp pháp, được Tòa án sử dụng để giải quyết vụ án.

[4] Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 1380/18/CT/BGL ngày 27-9-2018 giữa Ngân hàng và ông Th, bà M có hình thức, nội dung phù hợp quy định tại các Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th, bà M chỉ thanh toán tiền lãi trong hạn đến ngày 25-02-2019 và không trả tiền gốc đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản nên Ngân hàng chuyển 1.500.000.000 đồng tiền gốc thành nợ quá hạn từ ngày 05-9-2019 và khởi kiện để thu hồi nợ là đúng quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Th, bà M phải trả cho Ngân hàng 1.299.246.783 đồng, gồm: tiền gốc 1.149.957.719 đồng, tiền lãi trong hạn 55.965.616 đồng, tiền lãi quá hạn 93.323.448 đồng (tính đến ngày 06-5-2020).

[5] Các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/27/09/NHNT, số 02/27/09/NHNT và số 03/27/09/NHNT cùng ngày 27-9-2018 giữa Ngân hàng và bên thứ ba là ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 167, 188 của Luật Đất đai nên có hiệu lực. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì hiện trạng của các tài sản đúng với các thông tin đã ghi trong hợp đồng thế chấp và không có tranh chấp. Vì vậy, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản thế chấp này để thu hồi nợ.

[6] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Th, bà M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Th, bà M phải hoàn trả cho Ngân hàng 5.100.000 đồng.

[7] Ông Th, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng +  $(3\% \times (1.299.246.783 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})) = 50.977.403 \text{ đồng}$  để sung vào công quỹ Nhà nước. Ngân hàng không phải chịu án phí nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 26, 39, 91, 92, 147, 157, 192, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 40, 299, 303, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 167, 188 của Luật Đất đai; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17-10-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Tuyên xử:

1. Ông Vũ Văn Th và bà Phạm Thị M phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N 1.299.246.783 đồng, gồm: tiền gốc 1.149.957.719 đồng, tiền lãi trong hạn 55.965.616 đồng, tiền lãi quá hạn 93.323.448 đồng (tính đến ngày 06-5-2020).

Kể từ ngày 07-5-2020 cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Văn Th và bà Phạm Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất số 270 và 102a, tờ bản đồ số 128, tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 136242 ngày 22-01-2015 cho ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 128, tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 710574 ngày 20-3-2012 cho ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 152, tờ bản đồ số 3, tại xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai, đã được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 517708 ngày 05-5-2010 cho ông Vũ Văn Q, bà Nguyễn Thị H.

3. Ông Vũ Văn Th và bà Phạm Thị M phải liên đới hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.100.000đ (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

4. Ông Vũ Văn Th và bà Phạm Thị M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.977.403 đồng (Năm mươi triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 21.323.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005832 ngày 06-12-2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Bản án này được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- CCTHADS huyện Ia Grai;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thành Nhơn**